

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **16/2018/HS-ST**
Ngày 11/5/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Tấn** – hưu trí.

2. Ông **Hoàng Minh Tân** – hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Toàn** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2018/HSST ngày 13/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2018/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Thị Hồng N., sinh ngày 20/4/1979 tại **H. D**; HKTT và nơi cư trú: thôn An Nhơn, xã Nghĩa Thắng, huyện **T. Ngh.**, tỉnh **Q**; Nghề nghiệp: Công nhân may tại Công ty TNHH Vinatex Tư Nghĩa; Trình độ văn hóa: (học vấn): 5/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Phạm Văn K** (chết) và bà **Nguyễn Thị Ph.**; có chồng và 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* chị **Nguyễn Thị Th.**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 05, phường **Ngh. Ch.**, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Anh **Trần Đế D.**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 4, phường **Tr. H. Đ**, thành phố Q, tỉnh **Quảng Ngãi**. Vắng mặt.

- Anh **Nguyễn Hoàng V.**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 141/37 đường **H. V.**, phường **Tr. H. Đ**, thành phố Q., tỉnh **Quảng Ngãi**. Vắng mặt.

- Anh **Phạm Ngọc H.**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn **A. N.**, xã **Ngh. Th.**, huyện **T. Ngh.**, tỉnh **Quảng Ngãi**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 10/12/2017, chị **Nguyễn Thị Th.** cùng con gái **Nguyễn Nhật M.** đến cửa hàng bán đồ bành **H.** tại 355 **L. L.**, thành phố **Q.** để mua đồ. Khi chị **Th.** lựa quần áo và có đưa cho con gái cầm 01 cái ví trong ví có điện thoại hiệu Iphone 8 và một số giấy tờ tùy thân. Lát sau bé **M.** đi vệ sinh để ví trên đồng đồ, lúc này bị cáo **Phạm Thị Hồng N.** cũng đang lựa quần áo gần đó, nhìn thấy chiếc ví, **N.** nảy sinh ý định trộm cắp, lén lấy ví mở ra lấy điện thoại bỏ vào túi quần rồi để ví lại chỗ cũ. **N.** điều khiển xe ra khỏi quán và cầm điện thoại đến tiệm điện thoại ở gần đường **Q. Tr.** để mua cục sạc nhưng giá cao nên không mua, **N.** điều khiển xe đến cửa hàng điện thoại **Hồng Tuyết** trên đường **Ph. Đ. Ph.** do anh **Trần Đế D.** là chủ cửa hàng, anh **D.** nói không mở khóa được, **N.** đồng ý bán lại với giá 1.000.000đ anh **D.** bán lại cho anh **Nguyễn Hoàng V.** giá 6.000.000đ, trong quá trình chuyển máy đi thì bị công an yêu cầu giao nộp điều tra làm rõ.

Ngày 30/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự đã ra bản kết luận giá số 77/KL-HĐĐGTTTHS kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 màu đen (đã qua sử dụng) trị giá 19.900.000 (Mười chín triệu chín trăm ngàn đồng).

Bản cáo trạng số: 18/QĐ-VKS ngày 12 tháng 4 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố **Q** truy tố **Phạm Thị Hồng N.** về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố **Q.** giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p, b khoản 1, 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố **Q**, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố **Q**, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa bị cáo **Phạm Thị Hồng N.** khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 10/12/2017 bị cáo đến cửa hàng bán quần áo tại 355 **L. L.**, thành phố **Q.** để mua đồ, bị cáo nhìn thấy chiếc ví của chị **Nguyễn Thị Th.** để trên đồng quần áo, bị cáo lén lấy ví mở ra phát hiện bên trong chiếc ví có điện thoại di động hiệu Iphone 8, bị cáo lấy

chiếc điện thoại rồi bỏ chiếc ví lại vị trí cũ rồi bị cáo ra xe đi khỏi cửa hàng mang đến bán cho anh **Trần Đế D.** được 1.000.000 đồng, sau đó bị phát hiện. Giá trị chiếc điện thoại di động Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự định giá 19.900.000 đồng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận bị cáo **Phạm Thị Hồng N.** phạm tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và quyết định hình phạt:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo **N.** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được cơ quan điều tra thu hồi trả lại cho người bị hại, người bị hại có đơn xin bãi nại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhất thời phạm tội, có nhân thân tốt, chưa có vi phạm pháp luật. Do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại các điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Bị cáo bán chiếc điện thoại cho anh **Trần Đế D.** và anh **D.** bán lại cho anh **Nguyễn Hoàng V.** Anh **D.** và anh **V.** không biết tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự là phù hợp.

- Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được cơ quan điều tra thu hồi trả lại cho người bị hại. Tại phiên tòa người bị hại vắng mặt nhưng quá trình điều tra người bị hại không còn yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo đã hoàn trả lại số tiền 1.000.000 đồng cho anh **Trần Đế D.**, anh **Trần Đế D.** đã hoàn trả lại cho anh **Nguyễn Hoàng V.** số tiền 6.000.000 đồng mua bán điện thoại xong. Quá trình điều tra anh **D.** và anh **V.** không có yêu cầu gì thêm. Tại phiên tòa anh **D.** và anh **V.** vắng mặt và không còn yêu cầu gì nên không xét.

- Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 76E1-27755 đứng tên sở hữu anh **Phạm Ngọc H.**, bị cáo sử dụng đến cửa hàng để mua quần áo nhưng bị cáo đã trộm cắp tài sản người khác anh **H.** không biết nên cơ quan điều tra đã trả lại cho anh **Phạm Ngọc H.** là phù hợp.

Anh **Trần Đế D.** giao nộp cho cơ quan điều tra USB nội dung ghi lại hình ảnh bị cáo mang điện thoại đến bán cho anh **D.** Anh **D.** không yêu cầu nhận lại USB nên tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Phạm Thị Hồng N.** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 60 BLHS năm 1999.

Xử phạt **Phạm Thị Hồng N. 09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã **Ngh. Th.**, huyện **T. Ngh.**, tỉnh **Q.** để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thành phố Quảng Ngãi;
- Công an TP Quảng Ngãi;
- CC THADS TP Quảng Ngãi;
- UBND xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Dũng